

**UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 1610/SGTVT-VTPTNL
V/v triển khai quy định giá dịch vụ
trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên
Giang

Kiên Giang, ngày 13 tháng 10 năm 2023

Kính gửi:

- Các: Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Ngày 02/10/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; có hiệu lực kể từ ngày 12/10/2023 và thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (kèm theo Công văn này và đăng Trang thông tin điện tử Sở Giao thông vận tải Kiên Giang tại địa chỉ: <http://sgtvt.kiengiang.gov.vn>).

Sở Giao thông vận tải đề nghị các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp triển khai thực hiện Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, chỉ đạo phòng, ban chuyên môn phổ biến, hướng dẫn đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh thực hiện mức thu giá dịch vụ trông giữ xe đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc các đơn vị có ý kiến về Sở Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Đăng Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VTPT&NL.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Văn Phạn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /2023/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 02 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 562/TTr-SGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2023.



QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe tại các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe tại các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Giá cụ thể đối với các điểm trông, giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng/luợt

STT	Nội dung giá	Ban ngày	Ban đêm
A.	Tại bệnh viện, trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	2.000	4.000
3	Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống, xe tải từ 3 tấn trở xuống	10.000	20.000
4	Xe ô tô trên 15 chỗ ngồi, xe tải trên 3 tấn	20.000	40.000
B.	Tại các nơi khác (ngoài bệnh viện, trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh)		
I	Ngày thường		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	3.000	6.000
3	Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống, xe tải từ 3 tấn trở xuống	10.000	20.000
4	Xe ô tô trên 15 chỗ ngồi, xe tải trên 3 tấn	20.000	40.000
II	Ngày Lễ, hội, Tết Nguyên đán hàng năm		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000

2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	6.000	12.000
III	Sự kiện bắn pháo hoa hàng năm		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	12.000	24.000

Điều 4. Giá tối đa đối với các điểm trông, giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng/lượt

STT	Nội dung giá	Ban ngày	Ban đêm
A.	Tại bệnh viện, trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	2.000	4.000
B.	Tại các nơi khác (ngoài bệnh viện, trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh)		
I	Ngày thường		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	4.000	8.000
3	Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống, xe tải từ 3 tấn trở xuống	15.000	30.000
4	Xe ô tô trên 15 chỗ ngồi, xe tải trên 3 tấn	30.000	60.000
II	Ngày Lễ, hội, Tết Nguyên đán hàng năm		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	10.000	20.000
III	Sự kiện bắn pháo hoa hàng năm		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	20.000	40.000

Điều 5. Một số quy định cụ thể

1. Thời gian trông, giữ xe ban đêm được tính từ 22 giờ 00 phút đêm ngày hôm trước đến 05 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau.

2. Giá dịch vụ trông, giữ xe quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Các tổ chức, cá nhân trông, giữ xe tại các điểm trông, giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước phải thực hiện kê khai mức giá cụ thể và không được cao hơn giá tối đa quy định tại Điều 4 của Quyết định này.

4. Các tổ chức, cá nhân trông, giữ xe phải thực hiện niêm yết giá công khai tại địa điểm trông giữ xe nơi dễ quan sát và thu đúng giá niêm yết.

5. Các tổ chức, cá nhân thu giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm trông giữ xe có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2023 và thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *T. Minh*

Nơi nhận:

- Như Điều 7 của Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài Chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ GTVT;
- Website Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải (05b);
- Website Kiên Giang;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P.KT, P.TH, P.NC;
- Lưu: VT, Sở GTVT, cvquoc (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



T. Minh
Lâm Minh Thành

KIÊN GIANG